TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số 09/2020/HSST
Ngày 11 tháng 03 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hà Thiện Thành**

***Các hội thẩm nhân dân*:**

Ông **Đinh Công Hiến**

Ông **Đinh Duy Quyết**

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Hồng Mơ** - là thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông **Vũ Văn Diệu** - Kiểm sát viên

Ngày 11/03/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2020/HSST ngày 21/01/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

*** Nguyễn Văn K** *(Tên gọi khác Nguyễn Văn C),* sinh năm 1981; tại xã T, huyện H, tỉnh N; trú tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 0/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Bùi Thị T; vợ Trần Thị Y và có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2015; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/12/2019, chuyển tạm giam ngày 19/12/2019 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

*** Người bào chữa cho bị cáo:**

Bà **Lê Thị Thu Hà** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh N. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Chị **Trần Thị Y,** sinh năm 1985; trú tại thôn C, xã T, huyện H, tỉnh N. (Vắng mặt tại phiên tòa).

*** Người làm chứng:**

Anh **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1984. Vắng mặt tại phiên tòa.

Anh **Nguyễn Tòng N**, sinh năm 1981. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 16/12/2019, do có nhu cầu sử dụng ma túy, nên Nguyễn Văn K điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nozza

biển kiểm soát 35B1-***** từ nhà đến khu vực cầu B, xã S, huyện Q, tỉnh N để tìm mua ma túy. Khi đi đến đầu Cầu B, K gặp và mua của một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ 300.000 đồng ma túy, người đàn ông đưa cho K 03 gói nhỏ đều gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng bên trong có đựng chất bột dạng cục màu trắng. Xác định đó là ma túy loại heroine nên K cầm 03 gói nhỏ ma túy ở tay trái, rồi điều khiển xe mô tô đi về. Khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, khi K điều khiển xe mô tô đi đến khu vực hang Vồng thuộc địa phận xóm 11, xã G, huyện V, K dừng xe để đi vệ sinh, thì gặp tổ công tác của Công an huyện V phối hợp với Công an xã G đang làm nhiệm vụ tuần tra tại khu vực K đã tự nguyện giao nộp 03 gói nhỏ ma túy đang cất giấu ở tay trái cho Tổ công tác. Tổ công tác đã thu giữ của K 03 gói nhỏ đều gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng bên trong có đựng chất bột dạng cục màu trắng và 01 xe mô tô biển kiểm soát 35B1-*****.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã niêm phong vật chứng là 03 gói nhỏ gói ngoài bằng giấy bạc màu trắng, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng ký hiệu lần lượt là M1, M2, M3, gửi đi giám định xác định trọng lượng và chất ma túy.

Tại bản Kết luận giám định số 11/KLGĐ-PC09-MT ngày 18/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận:

- Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi đi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,1000 gam, M2 có khối lượng 0,070 gam, M3 có khối lượng 0,1100 gam. Tổng khối lượng chất bột dạng cục màu trắng có trong ba mẫu ký hiệu M1, M2, M3 là 0,2800 gam.

- Mẫu chất bột dạng cục màu trắng gửi đi giám định ký hiệu M1, M2, M3 đều là ma túy, loại Heroine

Heroine là chất ma túy có số thứ tự 9; thuộc bảng Danh mục I; Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Hoàn lại đối tượng giám định, gồm:

+ Chất bột dạng cục màu trắng còn lại trong mẫu gửi đi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,0429 gam; M2 có khối lượng 0,0174 gam; M3 có khối lượng 0,0347 gam đều là ma túy, loại Heroine.

+ Toàn bộ vỏ bao gói niêm phong (*tất cả được niêm phong trong phong bì ghi số 11/KLGĐ-PC09-MT theo đúng quy định của pháp luật*)

Tại bản Cáo trạng số 07/CT-VKS-GV ngày 20/01/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố ***Nguyễn Văn K*** ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N để xét xử về tội **"Tàng trữ trái phép chất ma túy"**, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Trần Thị Y trong quá trình điều tra trình bày: Chị là vợ của Nguyễn Văn K, chị không biết ngày

16/12/2019, Nguyễn Văn K lấy xe mô tô biển kiểm soát 35B1-***** của gia đình để sử dụng xe làm phương tiện đi mua ma túy, sau khi vụ án xảy ra chị mới biết. Hiện nay, chị đã được cơ quan Công an trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 35B1-***** và chị không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo ***Nguyễn Văn K*** phạm tội **"Tàng trữ trái phép chất ma túy"**. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/12/2019.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 11/KLGĐ-PC09-MT, bên trong đựng: Chất bột màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,0429 gam; M2 có khối lượng 0,0174 gam; M3 có khối lượng 0,0347 gam và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong. 01 phong bì niêm phong theo quy định bên trong có 03 mảnh giấy bạc màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng.

Người bào chữa cho bị cáo xác định hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn K như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố đối với bị cáo là đúng; một mặt đã phân tích, đánh giá vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, mặt khác trên cơ sở đánh giá nhân thân, điều kiện phạm tội của bị cáo đồng thời nêu lên các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đối với bị cáo Khoa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V

đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 15 phút ngày 16/12/2019, tại khu vực hang Vồng thuộc địa phận xóm 11, xã G, huyện V, tỉnh N, bị cáo Nguyễn Văn K có hành vi cất giấu trái phép 0,2800 gam heroine, nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma tuý

1. *Người nào tàng trữ trái phép chất ma tuý mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma tuý thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

a, …….;

b, …….;

c, Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

…….

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn K đã nêu trên là phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự, như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma tuý, tác động rất xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội, là một trong các nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, trí tuệ và sự phát triển bình thường của nòi giống, làm khánh kiệt kinh tế của người sử dụng chất ma túy, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm minh để giáo dục cải tạo bị cáo và là bài học răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa và người bào chữa cho bị cáo, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khai nhận hành vi phạm tội của mình trước khi bị phát hiện. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ

cận nghèo. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân bị cáo Nguyễn Văn K là người sử dụng ma túy, tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng, không mang tính vụ lợi, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, nên không áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9]. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Số ma túy thu giữ của Nguyễn Văn K là 0,28 gam Heroine. Sau khi lấy mẫu giám định, khối lượng Heroine còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,0429 gam; M2 có khối lượng 0,0174 gam; M3 có khối lượng 0,0347 gam và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong, đã được niêm phong trong phong bì ghi số 11/KLGĐ-PC09-MT. 01 phong bì niêm phong theo quy định bên trong có 03 mảnh giấy bạc màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng. Do vậy, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 35B1-*****. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô trên là tài sản chung của chị Trần Thị Y (là vợ của Nguyễn Văn K). Khi K sử dụng xe mô tô đi mua ma túy thì chị Y không biết. Vì vậy, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại chiếc xe trên cho chị Y, là phù hợp;

[10]. Về nguồn gốc số Heroine, bị cáo Nguyễn Văn K khai mua của người đàn ông tại khu vực cầu B, xã S, huyện Q, tỉnh N. Tuy nhiên, K không biết tên, tuổi, địa chỉ của người này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được, do đó không có căn cứ để xử lý.

[11] ***Về án phí***: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, cần miễn án phí cho bị cáo.

[12] ***Về quyền kháng cáo***: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo ***Nguyễn Văn K*** *(Tên gọi khác Nguyễn Văn C),* phạm tội "***Tàng trữ trái phép chất ma túy***".

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn K** *(Tên gọi khác Nguyễn Văn C),* 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bị bắt tạm giữ 16/12/2019.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong ghi số 11/KLGĐ-PC09-MT, bên trong đựng: Chất bột màu trắng còn lại trong mẫu gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,0429 gam; M2 có khối lượng 0,0174 gam; M3 có khối lượng 0,0347 gam và toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong. 01 phong bì niêm phong theo quy định bên trong có 03 mảnh giấy bạc màu trắng và 01 vỏ phong bì niêm phong vật chứng ban đầu, là vật chứng thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành và vật chứng không còn giá trị sử dụng. (Đặc điểm các vật chứng tịch thu tiêu hủy theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/01/2020, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

3. ***Về án phí:*** Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn K;

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện V;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo; Người CQLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;
(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thiện Thành